VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 160/TB-VPCP	*Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2019*

THÔNG BÁO

Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại cuộc họp Ban Chỉ đạo nhà nước về Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại tỉnh Bình Định, Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng, Trưởng Ban Chỉ đạo nhà nước về Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020 (sau đây viết tắt là Chương trình 886) đã chủ trì cuộc họp của Ban Chỉ đạo Chương trình 886. Tham dự Hội nghị có các thành viên Ban Chỉ đạo; Lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Kiểm lâm các tỉnh: Bình Định, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Ninh Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng; một số đơn vị liên quan thuộc các bộ, ngành; và các cơ quan báo, đài Trung ương và địa phương. Sau khi nghe Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo Chương trình 886 báo cáo kết quả thực hiện năm 2018 và kế hoạch triển khai năm 2019 của Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, ý kiến của các đại biểu tham dự cuộc họp, Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng kết luận như sau:

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được: Năm 2018, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các bộ, ngành, địa phương đã tích cực, chủ động triển khai thực hiện kế hoạch Chương trình 886 cơ bản hoàn thành trên một số nội dung chủ yếu sau:

- Tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc đạt 41,65%, tăng 0,2% so năm 2017, đạt chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết của Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018.

- Giá trị sản xuất lâm nghiệp tăng 6,09% so với năm 2017, đạt kế hoạch năm.

- Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng tiếp tục đạt được nhiều kết quả tích cực, giảm cả 3 tiêu chí về số vụ vi phạm, số vụ cháy rừng và diện tích rừng bị thiệt hại.

- Công tác trồng rừng được các địa phương quan tâm, đã trồng được 231.520 ha rừng tập trung, đạt 118,7% kế hoạch năm, trong đó: rừng phòng hộ, đặc dụng 15.070 ha, đạt 100,5% kế hoạch; rừng sản xuất 216.450 ha, đạt 120,3% kế hoạch năm.

- Năng suất rừng trồng bình quân đạt 21,86 m^3/ha/năm, đạt 109 % so với

nhiệm vụ đề ra của Chương trình, về đích trước 02 năm so với nhiệm vụ của Chương trình.

- Giá trị xuất khẩu đồ gỗ và lâm sản đạt 9,382 tỷ USD, tăng 15,9% so với 2017, về đích trước 2 năm so với mục tiêu Chương trình. Việt Nam trở thành quốc gia đứng đầu khối ASEAN, thứ 2 châu Á và thứ 5 thế giới về xuất khẩu lâm sản. Góp phần tăng giá trị xuất khẩu, giảm nhập siêu. Tỷ lệ nội địa hóa cao, ngành chế biến gỗ và lâm sản xuất khẩu đang trở thành ngành quan trọng đem lại giá trị cao.

- Sản lượng khai thác gỗ năm 2018 đạt 27,5 triệu m^3, đáp ứng 80% nguồn nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến gỗ, trong đó: Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng tập trung năm 2018 đạt 18,5 triệu m^3, tăng 3% so với năm 2017; sản lượng khai thác gỗ cây trồng phân tán và cây cao su tái canh khoảng 9,0 triệu m^3.

2. Một số tồn tại, hạn chế:

- Vẫn còn những điểm nóng về phá rừng, vận chuyển, tàng trữ lâm sản trái phép và chống người thi hành công vụ, đặc biệt là khu vực Tây Nguyên.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương, việc trao đổi thông tin, kiểm tra, xác minh và đấu tranh ngăn chặn hoạt động phá rừng, vận chuyển lâm sản trái phép và các hành vi vi phạm pháp luật khác về sử dụng đất lâm nghiệp chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao.

- Kết quả trồng rừng tập trung không đồng đều giữa các vùng, một số vùng có diện tích đất lâm nghiệp lớn, nhưng kết quả phát triển rừng còn thấp, như: vùng Tây Bắc, Tây Nguyên. Công tác trồng rừng phòng hộ, đặc dụng gặp nhiều khó khăn do thiếu vốn, quỹ đất trồng rừng ngày càng khó khăn, đòi hỏi chi phí cao, trong khi vốn đầu tư từ ngân sách được bố trí không tương xứng.

- Nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách Trung ương để thực hiện Chương trình 886 được bố trí thấp so với mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

- Các cơ chế, chính sách khuyến khích bảo vệ, phát triển rừng và nguồn tài chính hỗ trợ người dân nơi có rừng còn hạn chế, bất cập.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG NĂM 2019

1. Nhiệm vụ

Năm 2019, tiếp tục triển khai chương trình với mục tiêu: đưa tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc đạt 41,85%; tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt từ 5,5% đến 6,0%; giá trị xuất khẩu đồ gỗ và lâm sản đạt 10,5 đến 11 tỷ USD; đồng thời tiếp tục duy trì ổn định 25 triệu việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người làm nghề rừng, gắn với xây dựng nông thôn mới và đảm bảo an ninh, quốc phòng.

2. Giải pháp

a) Nhóm giải pháp bảo vệ rừng

- Về cơ chế, chính sách: Triển khai, thực hiện hiệu quả Luật Lâm nghiệp, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp; các cơ chế, chính sách hiện hành; rà soát, sửa đổi bổ sung kịp thời các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp, các cơ chế chính sach khuyến khích người dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng.

- Thực hiện nghiêm chủ trương đóng của rừng tự nhiên; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; thực hiện nghiêm công tác trồng rừng thay thế.

- Duy trì cung cấp thông tin cảnh báo cháy rừng hàng ngày, nâng cao hiệu quả trong công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; Ứng dụng công nghệ tiên tiến (công nghệ thông tin, viễn thám) trong công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, theo dõi diễn biến rừng.

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền nâng cao ý thức, trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

- Tiếp tục giao rừng, cho thuê rừng gắn với giao đất, cho thuê đất.

b) Nhóm giải pháp thúc đẩy sản xuất

- Về tổ chức sản xuất: Thúc đẩy các hình thức hợp tác, liên doanh, liên kết sản xuất theo chuỗi giữa doanh nghiệp và người dân; đẩy mạnh công tác sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp.

- Về trồng, chăm sóc rừng

+ Có kế hoạch kiểm tra, chỉ đạo các địa phương tổ chức thực hiện các chỉ tiêu phát triển rừng năm 2019, trong đó đặc biệt quan tâm đến các địa phương có diện tích trồng rừng lớn; tỷ lệ kiểm soát chất lượng giống thấp.

+ Chỉ đạo các địa phương tổ chức kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định; lựa chọn cây trồng phù hợp, chuẩn bị đủ cây giống đảm bảo chất lượng và hiện trường trồng rừng năm 2019; trồng đúng thời vụ và khi có điều kiện thời tiết thuận lợi, đảm bảo cây trồng có tỷ lệ sống cao.

+ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về lợi ích và hiệu quả kinh tế khi sử dụng giống tốt, lợi ích và hiệu quả chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng rừng thâm canh.

+ Giám sát chặt chẽ các dự án bảo vệ và phát triển rừng có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, ưu tiên kinh phí cho trồng rừng và chăm sóc rừng mới trồng; đẩy mạnh công tác giải ngân tiền trồng rừng thay thế, không để tồn quỹ.

- Về khai thác gỗ và lâm sản: Đảm bảo nguyên liệu cho các nhà máy chế biến; phấn đấu nâng tỷ lệ nguyên liệu gỗ rừng trồng cho sản xuất công nghiệp chế biến, từng bước thay cho nhập khẩu. Theo dõi, hướng dẫn các địa phương tổng hợp, cập nhật, thống kê đầy đủ số liệu về kết quả khai thác gỗ rừng trồng đảm bảo các yêu cầu về quản lý.

- Về hợp tác quốc tế, phát triển thị trường

+ Duy trì, mở rộng các thị trường truyền thống; phát triển các thị trường mới như: Úc, Canada, Ấn độ, Nga; tăng cường xúc tiến thương mại, tìm kiếm đối tác, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hội chợ, diễn đàn thương mại gỗ quốc tế.

+ Tiếp tục đàm phán, ký kết các hiệp định thương mại lâm sản với một số quốc gia có tiềm năng để mở rộng thị trường.

+ Hỗ trợ các Hiệp hội và các doanh nghiệp chế biến lâm sản về thông tin thị trường, các qui định pháp lý về gỗ hợp pháp của các quốc gia; nâng cao năng lực cho doanh nghiệp về quản lý chuỗi cung, quản trị chất lượng và truy suất nguồn gốc gỗ, phân loại doanh nghiệp.

- Về chi trả dịch vụ môi trường rừng

+ Chỉ đạo, đôn đốc, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm hành chính trong chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với các đơn vị chậm nộp, không nộp; thu hồi nợ đọng tiền dịch vụ môi trường rừng.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, nâng cao nhận thức về chi trả dịch vụ môi trường rừng đến các đối tượng liên quan.

+ Tiếp tục nghiên cứu quy định đối tượng sử dụng dịch vụ môi trường rừng là các cơ sở công nghiệp có sử dụng nước mặt và nước ngầm; tổ chức nghiên cứu thu dịch vụ môi trường rừng đối với các bon nội địa từ các nhà máy nhiệt điện, xi măng và thép.

3. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các bộ, ngành:

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình 886 gắn với tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp; tăng cường đôn đốc, giám sát các địa phương thực hiện Chương trình 886, Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu, Đề án Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng; Đề án Bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016-2030.

- Triển khai hiệu quả Luật Lâm nghiệp và các văn bản thi hành Luật; nghiên cứu, bổ sung đề xuất các chính sách mới phù hợp.

- Đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện nghiêm nghiêm Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2017 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 hoặc giai đoạn 2021 – 2030.

- Đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển

lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020.

- Nghiên cứu, đánh giá các cơ chế, chính sách đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng, làm căn cứ xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2021-2025.

- Tổ chức hướng dẫn triển khai đề án Bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên. Nghiên cứu, xây dựng Đề án Bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Bắc; Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam; xây dựng Khu công nghệ cao trong lâm nghiệp.

- Phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương tổ chức Hội nghị đánh giá 2 năm thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp danh mục các dự án ODA cho lâm nghiệp, trong đó ưu tiên khu vực Tây Nguyên, Tây Bắc và khu vực ven biển.

- Nghiên cứu, đề xuất báo cáo cơ quan có thẩm quyền một số cơ chế, chính sách huy động nguồn lực để khuyến khích phát triển vùng nguyên liệu và ngành công nghiệp chế biến gỗ cho giai đoạn 2021 - 2030.

- Rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phương án bổ sung vốn đầu tư phát triển cho Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững theo Quyết định 886/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Bộ Tài chính rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phương án bổ sung đủ vốn sự nghiệp cho Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững theo Quyết định 886/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Rà soát, bố trí đúng, đủ vốn ngân sách nhà nước cho các dự án bảo vệ và phát triển rừng, để hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2019 – 2020.

- Thực hiện nghiêm Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2017 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; và các văn bản chỉ đạo.

- Gắn mục tiêu, giải pháp bảo vệ, phát triển rừng với hỗ trợ cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập, bảo đảm đời sống, việc làm, an sinh xã hội cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

- Triển khai hiệu quả Luật Lâm nghiệp và các văn bản thi hành.

- Chỉ đạo các sở, ngành liên quan, Chủ đầu tư có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoàn thành công tác trồng rừng thay thế.

đ) Ủy ban nhân dân các tỉnh vùng Tây Nguyên triển khai, thực hiện hiệu quả Đề án Bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016-2030 theo Quyết định số 297/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Văn phòng Chính phủ thông báo để các cơ quan liên quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- TTg CP, các PTTg CP;
- VP Trung ương Đảng;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UB Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Các thành viên BCĐ Nhà nước Chương trình mục tiêu phát triển rừng bền vững;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ: TH, KTTH, QHĐP;
- Lưu: VT, NN (2b) Tn.

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM

Nguyễn Cao Lục

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: **368**/SY-UBND

SAO Y BẢN CHÍNH

Bình Định, ngày 06 tháng 5 năm 2019

Nơi nhận:
- CT, PCT UBND tỉnh Trần Châu;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- LĐVP, K13;
- Lưu: VT (08b).

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Lê Nhuận